

DOI: 10.62829/VNHN.375.87.92

LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2020 QUAN TRỌNG NHẤT LÀ TỔ CHỨC THỰC THI CHO HIỆU QUẢ

✍ TS. Đinh Xuân Cường
Trường Đại học Trà Vinh

● **TÓM TẮT:** Môi trường đóng một vai trò vô cùng quan trọng đối với cuộc sống con người, không chỉ về mặt sinh thái mà còn về mặt kinh tế, xã hội và văn hóa, liên quan đến tài nguyên thiên nhiên, như: nước, không khí, đất đai, khoáng sản, và các nguồn năng lượng tự nhiên khác. Những tài nguyên này là nền tảng cho mọi hoạt động sản xuất và tiêu dùng trong xã hội, từ nông nghiệp đến công nghiệp; bảo vệ sức khỏe cộng đồng, một môi trường sạch và lành mạnh có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của con người... Như vậy, bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm của mỗi cá nhân, mà còn là nhiệm vụ của toàn xã hội để đảm bảo sự phát triển bền vững và một tương lai tốt đẹp hơn cho các thế hệ mai sau. Việc nghiên cứu thực trạng thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam, từ đó nhận diện rõ những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế để có hướng hoàn thiện cho phù hợp là cần thiết và có tính thời sự trong giai đoạn hiện nay.

● **Từ khóa:** Bảo vệ môi trường; hành lang pháp lý; môi trường với đời sống; đảm bảo phát triển bền vững.

● **ABSTRACT:** The environment plays an extremely important role in human life, not only ecologically but also economically, socially, and culturally. It is closely linked to natural resources such as water, air, land, minerals, and other natural energy sources. These resources form the foundation for all production and consumption activities in society, from agriculture to industry. Protecting public health and ensuring a clean and healthy environment directly impacts human well-being. Therefore, environmental protection is not only the responsibility of individuals but also a collective task of society to ensure sustainable development and a better future for coming generations. Studying the current state of the implementation of environmental protection laws in Vietnam is essential and timely, in order to clearly identify achievements, limitations, and the causes of these limitations, and to propose appropriate improvements.

● **Keywords:** Environmental protection; legal framework; environment and human life; ensuring sustainable development.

Ngày nhận bài: 30/9/2025 - Ngày bình duyệt: 05/11/2025 - Ngày duyệt đăng: 25/11/2025

Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc hoàn thiện khung pháp lý về quản lý, bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam. Với nhiều điểm mới mang tính đột phá - như tiếp cận dựa trên vòng đời sản phẩm, tăng cường vai trò của cộng đồng và doanh nghiệp, cũng như lồng ghép yếu tố môi trường trong quá trình phát triển kinh tế - luật đã tạo nên tảng pháp lý rõ ràng hơn cho công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn mới. Tuy nhiên, điều quan trọng nhất hiện nay không chỉ là những quy định tiến bộ trên giấy, mà là cách thức tổ chức triển khai thực thi luật một cách đồng bộ, hiệu quả và thực chất. Chỉ khi các giải pháp thực hiện được áp dụng đúng hướng, có sự phối hợp giữa các cấp, ngành và toàn xã hội, Luật Bảo vệ môi trường 2020 mới thực sự phát huy vai trò là công cụ pháp lý trung tâm trong chiến lược phát triển bền vững của đất nước.

MÔI TRƯỜNG VỚI ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

Môi trường sạch rất quan trọng vì nó đảm bảo sức khỏe con người, duy trì sự cân bằng sinh thái, và là nền tảng cho sự phát triển kinh tế. Không khí trong lành, nước sạch và đất đai màu mỡ phụ thuộc vào một môi trường sạch, giúp con người có cuộc sống khỏe mạnh và bền vững hơn.

Tầm quan trọng đó được thể hiện ở các mặt:

- *Đối với sức khỏe con người:* Cung cấp không khí trong lành để hít thở, giảm thiểu nguy cơ mắc các bệnh về hô hấp. Đảm bảo nguồn nước uống và thực phẩm an toàn, không bị ô nhiễm. Giúp nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm căng thẳng và cải thiện tinh thần.

- *Đối với hệ sinh thái và đa dạng sinh học:* Duy trì sự cân bằng của hệ sinh thái tự nhiên; góp phần bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ các loài động, thực vật; ngăn chặn xói mòn đất và sa mạc hóa.

- *Đối với kinh tế và khí hậu:* Là nguồn tài nguyên và điều kiện cơ bản cho sự phát triển kinh tế. Giúp chống biến đổi khí hậu bằng cách hấp thụ khí CO₂ và giảm hiệu ứng nhà kính. Tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch và đầu tư.

TỔNG QUAN VỀ LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 2020

Luật Bảo vệ môi trường 2020 (thay thế Luật Bảo vệ môi trường năm 2014) gồm 16 chương, 171 điều (giảm 4 chương so với Luật 2014, nhưng tăng 1 điều). Luật bổ sung nhiều nội dung về kinh tế tuần hoàn, công cụ kinh tế môi trường, tiếp cận biến đổi khí hậu và phát thải khí nhà kính. Cụ thể: Quy định phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu phí xử lý theo khối lượng/thể tích nhằm khuyến khích phân loại rác; Bổ sung quy định về trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất (EPR) với bao bì, vỏ thuốc bảo vệ thực vật; Yêu cầu lồng ghép ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ôzôn. Luật cũng quy định rõ hơn về trách nhiệm quản lý nhà nước, phân cấp quản lý môi trường, quyền và nghĩa vụ của người dân, tổ chức. Luật thể hiện sự chuyển dịch rất rõ từ giai đoạn “quản lý ô nhiễm” sang giai đoạn “phát triển bền vững, kinh tế xanh, tuần hoàn”...

Như vậy, Luật đã đặt ra một hành lang pháp lý khá hiện đại và tương đối toàn diện trong tiếp cận môi trường, từ quản lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm tới biến đổi khí hậu và kinh tế thân thiện môi trường. Luật Bảo vệ môi trường 2020 là một bước tiến lớn trong hoàn thiện pháp luật môi trường của Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế triển khai cho thấy vẫn còn nhiều khoảng cách giữa quy định và thực tiễn, như về nhân lực, nguồn lực, thể chế và hành vi xã hội. Nếu không kịp thời khắc phục, những “khoảng trống” này làm giảm hiệu quả của Luật, khiến mục tiêu “phát triển bền vững, không đánh đổi môi trường vì tăng trưởng” sẽ không được thực hiện đầy đủ. Vì vậy, việc tăng tốc triển khai các công cụ mới, củng cố quản lý địa

phương, nâng cao nhận thức xã hội và tạo cơ chế huy động nguồn lực mạnh hơn là rất cấp thiết.

VAI TRÒ QUAN TRỌNG CỦA LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Xuất phát từ tầm quan trọng của môi trường với đời sống xã hội, Luật Bảo vệ môi trường có vai trò rất quan trọng trong quá trình bảo đảm môi trường trong sạch. Vai trò đó thể hiện ở các mặt sau:

1. Môi trường sạch, không ô nhiễm là điều kiện tiên quyết để con người có thể sống khỏe, phát triển ổn định. Luật Bảo vệ môi trường đặt ra mục tiêu “bảo vệ các thành phần môi trường, bảo vệ sức khỏe người dân là nội dung trọng tâm”. Khi môi trường bị suy thoái - ô nhiễm không khí, nước, đất - sẽ kéo theo hệ lụy về sức khỏe, chi phí y tế, giảm chất lượng sống và năng suất lao động. Cho nên Luật Bảo vệ môi trường là cơ sở pháp lý và hành trang quan trọng để Bảo vệ sức khỏe con người và chất lượng cuộc sống.

2. Luật Bảo vệ môi trường không chỉ là luật bảo vệ “môi trường” thuần túy mà gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Một số điểm nổi bật là: Gắn kết với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; Các doanh nghiệp và người dân được xác định là “chủ thể trung tâm” trong bảo vệ môi trường chứ không chỉ cơ quan quản lý nhà nước; Doanh nghiệp vừa phải thực hiện các quy định môi trường, vừa được cải cách thủ tục hành chính để giảm chi phí tuân thủ. Vì vậy, Luật Bảo vệ môi trường góp phần quan trọng đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

3. Việt Nam là thành viên nhiều công ước quốc tế về môi trường (tầng ôđôn, khí nhà kính, đa dạng sinh học). Luật Bảo vệ môi trường mang lại khung pháp lý để thực hiện các cam kết này.

4. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định rõ hơn về việc người dân, cộng đồng, doanh nghiệp tham gia vào việc bảo vệ môi trường, từ việc được phản biện,

giám sát đến việc được quyền tham vấn. Điều đó góp phần tích cực nâng cao vai trò cộng đồng và minh bạch thông tin.

GIÁ TRỊ THỰC THI VÀ NHỮNG HẠN CHẾ, BẤT CẬP

* *Giá trị thực thi của Luật Bảo vệ môi trường 2020* được thể hiện trong những nội dung chính sau đây:

1. *Thể hiện rõ định hướng phát triển bền vững*: Luật không chỉ chú trọng bảo vệ môi trường mà còn kết nối với các trụ cột kinh tế - xã hội - môi trường; Góp phần thực hiện các Cam kết quốc tế của Việt Nam như COP26 (trung hòa carbon vào 2050).

2. *Tăng hiệu quả quản lý nhà nước*: Bộ máy quản lý môi trường được tinh gọn, thống nhất, tránh trùng lặp thủ tục. Đưa công nghệ thông tin vào giám sát - ví dụ: hệ thống quan trắc tự động, cơ sở dữ liệu quốc gia về môi trường.

3. *Khuyến khích khu vực tư nhân và cộng đồng cùng tham gia*: Thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ sạch, giảm phát thải. Nâng cao ý thức người dân trong phân loại rác tại nguồn, tiêu dùng xanh.

4. *Tác động tích cực đến hình ảnh quốc gia*: Góp phần nâng cao vị thế Việt Nam trong hợp tác quốc tế về môi trường. Thu hút đầu tư nước ngoài hướng đến sản xuất xanh, năng lượng tái tạo.

5. *Giá trị thực tế và dấu hiệu hiệu quả*: Nhận thức xã hội về môi trường đang được nâng cao: thời gian qua có nhiều chiến dịch truyền thông, mô hình bảo vệ môi trường được nhân rộng. Các địa phương đã và đang triển khai kế hoạch, chế tài xử lý vi phạm; ví dụ việc kiểm soát xả thải, công khai thông tin nguồn thải. Công cụ kinh tế - ngân sách môi trường, Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam đã triển khai nhiệm vụ năm 2024.

6. *Thách thức và khuyến nghị để nâng cao hiệu quả thực thi*:

a). *Thách thức*: Mặc dù Luật rất đầy đủ, nhưng trong thực tế việc phân cấp, phân

quyền quản lý môi trường ở địa phương còn chưa đồng bộ. Nguồn lực cả về nhân lực (cán bộ chuyên trách), tài chính và cơ sở vật chất vẫn là điểm yếu tại nhiều địa phương. Ý thức, trách nhiệm của một số doanh nghiệp và người dân vẫn chưa như mong đợi, việc tuân thủ pháp luật môi trường có nơi còn lỏng. Việc đồng bộ hóa dữ liệu, quan trắc môi trường liên vùng, liên tỉnh vẫn gặp khó khăn.

b). *Khuyến nghị*: Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý môi trường cấp tỉnh/xã; đồng thời bố trí đủ nhân lực chuyên trách. Cùng cố nguồn lực tài chính - ưu tiên ngân sách, hỗ trợ doanh nghiệp thay đổi công nghệ thân thiện môi trường. Tăng cường giao quyền và trách nhiệm cho địa phương, cơ sở; đồng thời xây dựng cơ chế giám sát và chịu trách nhiệm rõ ràng. Đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức cộng đồng và doanh nghiệp - luật môi trường không chỉ là quy định bắt buộc mà là lợi ích lâu dài. Tăng cường công khai minh bạch thông tin môi trường, dữ liệu quan trắc; khuyến khích sự tham gia của cộng đồng và tổ chức xã hội. Tích hợp các công cụ kinh tế môi trường: phí, thuế môi trường, tín dụng xanh, thị trường carbon... để tạo động lực kinh tế cho bảo vệ môi trường.

** Những bất cập, hạn chế cần khắc phục:*

Sau đây là một số khó khăn, tồn tại chính đang ảnh hưởng đến việc thực thi Luật Bảo vệ môi trường 2020.

a). *Nhân lực, tổ chức còn yếu*: Hầu hết các cơ sở (cấp huyện trước đây) chỉ có 01 cán bộ chuyên trách quản lý nhà nước về môi trường, cấp xã hiện nay cán bộ được giao kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, không chuyên ngành môi trường. Các cơ quan quản lý địa phương vẫn chưa đồng đều về năng lực, dẫn tới việc tại nhiều nơi, công tác môi trường chưa được làm tốt.

b). *Cơ chế kinh tế - thị trường, công cụ mới chưa được vận hành hiệu quả*: Luật

quy định về phân loại rác tại nguồn và thu phí theo khối lượng/thể tích (thay vì hộ/gia đình) để thúc đẩy giảm phát thải. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai vẫn chậm: nhiều địa phương chưa áp dụng, người dân chưa quen phân loại rác. Công cụ EPR (trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất) với bao bì, vỏ thuốc bảo vệ thực vật đã có quy định nhưng việc thu gom hiện vật, xử lý bao bì sau sử dụng vẫn gặp khó khăn. Dù có chính sách hỗ trợ tín dụng môi trường, “trái phiếu xanh”, mua sắm xanh... nhưng thực tế huy động nguồn lực xã hội cho môi trường vẫn chưa phát huy mạnh mẽ như mong muốn.

c). *Chồng chéo, thiếu rõ ràng trong phân công quản lý, trách nhiệm hành chính*: Nhiều quy định môi trường liên quan tới nhiều bộ, ngành, địa phương, dẫn tới việc phân công, phối hợp thực hiện đôi khi chậm hoặc không rõ ràng. Một số văn bản địa phương mới ban hành nhưng chưa rõ lộ trình, nguồn lực để triển khai. Trách nhiệm xử lý vi phạm môi trường mặc dù đã tăng cường, nhưng ở nhiều nơi vẫn tồn tại tình trạng “xử nhẹ”, xử chậm, hoặc xử lý hình thức rồi không truy cứu tới cùng.

d). *Nguồn lực tài chính còn hạn chế*: Công tác môi trường yêu cầu ngân sách, hỗ trợ, đầu tư lớn (thiết bị giám sát, thu gom rác, xử lý chất thải, đào tạo nhân lực...), nhưng nhiều địa phương vẫn phụ thuộc ngân sách nhà nước, xã hội hóa còn ít. Việc thu phí môi trường, thu phí xử lý rác mới chỉ được thực hiện một số nơi và chưa phổ biến, dẫn tới chi phí xử lý môi trường vẫn lớn và gánh nặng vẫn dồn lên ngân sách nhà nước hoặc đơn vị xử lý.

e). *Nhận thức và hành vi xã hội còn chậm thay đổi*: Mặc dù có các quy định phân loại rác, thu phí theo khối lượng/thể tích... nhưng người dân, hộ gia đình, cơ sở kinh doanh vẫn chưa quen, thiếu ý thức và chưa được hỗ trợ đầy đủ. Do vậy, việc chuyển từ “quy định trên giấy” sang “thực tiễn mỗi ngày” còn chậm, đặc biệt ở vùng nông thôn, xã, thôn bản.

f). *Tình trạng vi phạm môi trường vẫn lớn*: Số vụ vi phạm môi trường trên địa bàn các địa phương vẫn lớn. Điều này phản ánh: vi phạm nhiều, xử lý vẫn chưa toàn diện. Nhiều sự cố môi trường, ô nhiễm, rác thải, chất thải công nghiệp... vẫn được phát hiện, cho thấy lỗ hổng trong kiểm soát, giám sát.

NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC THI LUẬT

1. *Tầm quan trọng của các giải pháp nhằm hiện thực hoá các quy định của Luật Bảo vệ môi trường*:

Luật Bảo vệ môi trường chỉ thực sự đi vào đời sống khi có các giải pháp cụ thể để triển khai. Những giải pháp này giúp biến các quy định pháp lý thành hành động thực tế, bảo đảm pháp luật được thi hành nghiêm minh, đồng bộ và hiệu quả trong toàn xã hội. Các giải pháp thực thi sẽ giúp kiểm soát tốt hơn các nguồn gây ô nhiễm, nâng cao hiệu quả quản lý chất thải, khai thác tài nguyên hợp lý, từ đó giảm thiểu những tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe con người. Qua đó sẽ tạo điều kiện cho phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ môi trường, hướng tới tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Đây là nền tảng cho sự phát triển lâu dài của đất nước.

Trong quá trình thực thi các giải pháp, cần chú trọng công tác truyền thông, giáo dục và cơ chế khuyến khích sẽ giúp nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong bảo vệ môi trường, thúc đẩy hành vi tích cực và lối sống thân thiện với môi trường. Đồng thời thực hiện các giải pháp về tổ chức, kỹ thuật, tài chính và công nghệ giúp nâng cao năng lực quản lý môi trường, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, ngành, địa phương và mở rộng hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường.

2. *Một số giải pháp cụ thể*:

2.1. *Tăng cường nhân lực và tổ chức quản lý môi trường ở cơ sở*: Cần tăng số lượng cán bộ chuyên trách môi trường ở cơ sở, đảm bảo có năng lực chuyên môn môi

trường. Xây dựng hệ thống đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho lực lượng quản lý môi trường địa phương, cả kiến thức luật, kỹ thuật, kiểm soát môi trường, xử lý chất thải, quan trắc... Cũng cố cơ quan tham mưu về môi trường tại địa phương để đủ sức ứng phó thủ tục, giám sát, theo dõi, xử lý vi phạm.

2.2. *Đẩy mạnh triển khai công cụ kinh tế và cơ chế thị trường*: Rút ngắn thời gian áp dụng phân loại rác tại nguồn, thu phí theo khối lượng/thể tích; đồng thời hỗ trợ hạ tầng (thùng/rác riêng, xe thu gom, nhà đầu tư xử lý) để người dân dễ thực hiện. Triển khai mạnh cơ chế EPR: yêu cầu các nhà sản xuất, nhập khẩu tham gia thu gom, tái chế bao bì, vỏ thuốc bảo vệ thực vật; tăng cường kiểm đếm, giám sát và chế tài đối với việc bỏ bao bì ngoài hệ thống. Khuyến khích mạnh hơn nguồn vốn tư nhân, vốn xã hội hóa cho công tác môi trường: thông qua trái phiếu xanh, tín dụng xanh, hợp tác công tư (PPP), để giảm gánh nặng ngân sách nhà nước.

2.3. *Rà soát, hoàn thiện thể chế, phối hợp liên ngành*: Rà soát các văn bản pháp luật liên quan (luật chuyên ngành, nghị định, thông tư) để đảm bảo thống nhất, tránh chồng chéo, mâu thuẫn, đảm bảo rõ trách nhiệm giữa bộ/ngành/địa phương. Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành để thực thi môi trường một cách tổng thể, đặc biệt với những lĩnh vực ô nhiễm lớn như công nghiệp, nông nghiệp, chất thải rắn, chất thải nguy hại. Tăng cường minh bạch, công khai thông tin về môi trường: kết quả quan trắc, vi phạm, xử lý để người dân giám sát.

2.4. *Tăng cường chế tài và giám sát thực thi*: Mức xử phạt vi phạm môi trường cần đủ tính răn đe và có khả năng cưỡng chế. Việc xử lý phải nghiêm, công khai. Thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên, đặc biệt với các cơ sở có nguy cơ cao (chất thải công nghiệp, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, rác thải đô thị). Khuyến khích tham gia

của cộng đồng, tổ chức xã hội vào giám sát môi trường: tiếp nhận thông tin, tố giác vi phạm, tham gia phân loại rác.

2.5. *Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi:* Công tác giáo dục, truyền thông phải hướng tới từng nhóm đối tượng: hộ gia đình khu vực nông thôn, cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, cán bộ địa phương. Hỗ trợ kỹ thuật, vật chất (ví dụ thùng rác phân loại, đơn vị thu gom, hướng dẫn cách phân loại) để người dân dễ thực hiện. Tăng cường đào tạo cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh nhỏ, cộng đồng về trách nhiệm môi trường, giảm phát thải, phân loại chất thải, xử lý hợp lý.

Việt Nam là một trong những quốc gia

mức độ ô nhiễm môi trường cao, từ hệ quả của ô nhiễm không khí, nước, rác thải nhựa nổi trôi trong tự nhiên. Pháp luật Bảo vệ môi trường ở Việt Nam đã có những bước tiến quan trọng, nhưng để khai thác hiệu quả thì cần hoàn thiện hơn ở khía cạnh thực hiện, giám sát và trách nhiệm pháp lý rõ ràng. Sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng là điều kiện quan trọng để hướng tới phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và cam kết giảm phát thải. Sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước - doanh nghiệp - người dân cùng với cải cách lập pháp, tăng chế tài và đầu tư cơ sở hạ tầng là yếu tố then chốt để Việt Nam chuyển từ cảnh báo sang hành động hiệu quả./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1.Quốc hội. (2020). *Luật Bảo vệ môi trường 2020* (số 72/2020/QH14).

2.Quốc hội. (2025). *Luật Bảo vệ môi trường 2025* (Văn bản hợp nhất số 15/VBHN-VPQH ngày 24/2/2025).

3.Chính phủ. (2019). *Nghị định 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường*.

4.Chính phủ. (2022). *Nghị định 08/2022/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2020). *Thông tư số 19/2020/TT-BTNMT Ban hành Danh mục chất phân tán được phép sử dụng trong vùng biển Việt Nam và hướng dẫn về quy trình sử*

dụng chất phân tán trong ứng phó sự cố tràn dầu trên biển. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022).

6. *Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*. Hà Nội.

7. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022). *Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Bảo vệ môi trường*. Hà Nội.

8. Tổng cục Môi trường (VEA) (2024). *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia giai đoạn 2020 - 2023*. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Hà Nội.

9. Phạm Văn Lợi (chủ biên) (2021). *Thực thi chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam – Thực trạng và giải pháp*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.